

Bản án số: **35/HNGĐ-ST**

Ngày 29/02/2024

V/v: *Tranh chấp về ly hôn và giao nuôi con.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Đào

2. Bà Hoàng Thị Tuấn Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2023/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị D**, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Hà Văn D1**, sinh năm 1995.

Trú tại: Xóm N, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2023 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hà Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn D1 đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị D và anh D1 không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau. Nay chị D nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Văn D1.

Về con chung: Giữa chị và anh D1 có một người con chung họ tên là Hà Minh N, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2019. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được

trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Hà Văn D1 vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đơn khởi kiện, tài liệu, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp, hòa giải nhưng bị đơn anh D1 đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Ngày 18/01/2024, anh Hà Văn D1 có gửi đơn xin xét xử vắng mặt và bản trình bày ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn D1 thừa nhận, giữa anh và chị Hà Thị D đăng ký kết hôn với nhau ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân. Anh D1 đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị D. Vì lý do bận đi làm nên anh D1 không trực tiếp đến Tòa án để tham gia giải quyết ly hôn với chị Hà Thị D được, anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh chị có một người con chung họ tên là Hà Minh N, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2019. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Công an xã C, huyện Q: Trong phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, anh Hà Văn D1 hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q: Chị Hà Thị D và anh Hà Văn D1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày ngày 13 tháng 8 năm 2009, đăng ký kết hôn giữa hai bên là hợp pháp. Chị D và anh D1 có một người con chung họ tên là Hà Minh N, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2019. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị D làm đơn xin ly hôn với anh Hà Văn D1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chấp hành đúng quy định, vắng mặt tại các buổi làm việc, do đó cần xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82; 83, 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản

5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận cho chị Hà Thị D được ly hôn với anh Hà Văn D1.

Về con chung: Giao con chung là Hà Minh N, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2019 cho chị Hà Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hà Văn D1 cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị D, anh D1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Hà Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh Hà Văn D1 chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Nguyên đơn có mặt không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Chị Hà Thị D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Hà Văn D1 và có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Hà Văn D1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

[1.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hà Văn D1 nhưng anh D1 đều vắng mặt, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Hà Văn D1.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị D và anh Hà Văn D1 đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị C D và anh D1 là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, các bên không tìm được giải pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng báo anh D1 đến để hòa giải tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ, nhưng anh D1 đều vắng mặt. Chị D xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với anh D1 nên vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin được ly hôn với anh Hà Văn D1.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải để quay trở lại chung sống, đoàn tụ với nhau. Do đó, áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho Chị Hà Thị D được ly hôn với anh Hà Văn D1.

[3] Về con chung: Qua xác minh tại địa phương xem xét hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con, cũng như nguyện vọng của con chung và ý kiến của chị D, anh D1 xét thấy cần giao con chung là Hà Minh N, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2019 cho chị Hà Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hà Văn D1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Duyên số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng. Thời gian giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con từ tháng 02 năm 2024 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hà Thị D và anh Hà Văn D1 có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Hà Văn D1 chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Các điều 28, 35; 39; 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị D được ly hôn anh Hà Văn D1.

2. Về con chung: Buộc anh Hà Văn D1 giao con chung là Hà Minh N, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2019 cho chị Hà Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hà Văn D1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Duyên số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng. Thời gian giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con từ tháng 02 năm 2024 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Anh Hà Văn D1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Hà Thị D cho đến khi thi hành án xong, anh Hà Văn D1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Hà Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị

Hà Thị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006069 ngày 13/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Anh Hà Văn D1 chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000 đồng.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã Châu Thành, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Quán Vi Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Vinh Hương

Nguyễn Mạnh Hùng Quán V T

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quán Vi Tuấn

